PIONEER SHIPBROKERS CO., LTD.

(A MEMBER OF THE VIETNAM SHIPOWNER'S ASSOCIATION)

SHIP SALE & PURCHASE – CHARTERING – SHIP EVALUATION

No.32, Ngan Long villas, Nguyen Huu Tho Street, Nha Be District, HCMC

Tel: 028 38817289 Fax: 028 38817385

www.pioneershipbrokers.com.vn

*Nhằm phục vụ nhu cầu của khách hàng và cập nhật thông tin thị trường ngày càng tốt hơn, công ty môi giới hàng hải Tiên Phong (Pioneer Shipbrokers) giới thiệu đến quý khác hàng ứng dụng **Pioneer Shipbrokers** có trên **iOS và Android**. Đây là công cụ hữu ích cho khách hàng quan tâm lĩnh vực mua bán tàu biển và thông tin thị trường*

TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG

TUẦN 35/2020

25/08/2020 – 31/08/2020

1. THỊ TRƯỜNG TÀU ĐÃ QUA SỬ DỤNG:

Ở mảng tàu hàng khô, chỉ số thuê tàu BDI tuần này không có gì thay đổi so với tuần trước và vẫn dậm chân ở mức 1.488 điểm. Ở phân khúc handysize trẻ, chủ tàu Trung Quốc bán tàu Transcenden Time (32.686 dwt đóng 2010 Trung Quốc) với giá 6 triệu đô la Mỹ. Mức giá này không tăng so với những tàu tương tự so với những tàu tương tự bán cách đây 2 tháng vì thực ra tàu vừa qua đà SS và đã lắp hệ thống xử lý nước dằn. Ở phân khúc handysize già, chủ tàu Thổ Nhĩ Kỳ bán tàu Zeynep (33.476 dwt đóng 2001 Nhật DD 9/2020 SS 2/2022) với giá 4,25 triệu đô la Mỹ. Mức giá này là hợp lý nếu so sánh với tàu già hơn 1 tuổi Seattle (31.923 dwt, đóng 2000 Nhật) bán với giá 3,8 triệu đô la Mỹ hồi tháng trước. Tuần này cũng ghi nhận tàu Deribas (28.655 đóng 1996 Nhật) được chủ tàu Hy Lạp bán cho người Mua Li Băng với giá 2,6 triệu đô la Mỹ. Mức giá này rất tốt cho người Bán do tàu sắp đến hạn đà đặc biệt (DD/SS 10/2020). Ngoài ra, Eastern Pacific cuối cùng đã bán tàu Stargate (28.221 dwt, đóng 2011 Nhật) với giá 6,75 triệu đô la Mỹ. Đây có thể coi là mốc chung cho tàu 11 tuổi cỡ này này nếu so sánh với các tàu tương tự như Westgate (28.202 dwt, đóng 2011 Nhật), Star Aqua (28.225 đóng 2011 Nhật) bán lần lượt là 6,5 và 6,7 triệu đô la Mỹ vào đầu tháng 8.

Ở mảng tàu dầu, tuần qua nhìn chung cũng tương đối sôi động. Ghi nhận chủ tàu Việt Nam bán tàu già GT Independence (30.957 dwt, đóng 1998 Nhật) thành công, song thông tin về người Mua và giá tàu vẫn chưa được tiết lộ. Trong phân khúc tàu nhỏ, người Mua tàu Sea Longitude (16.526 dwt, đóng 2003 Nhật) đã trả mức 7,3 triệu đô la Mỹ tại buổi đấu giá tòa án. Điều này khá bất ngờ vì ước tính giá trị tàu chỉ rơi vào khoảng 5,6 triệu đô la Mỹ. Được biết, hoạt động khai thác than của chủ tàu Agritrade bị ảnh hưởng nặng nề từ khi đại dịch covid-19 bắt đầu, dẫn đến khoản nợ lên đến 1,55 tỷ đô la Mỹ và Sea Longtitute là tàu cuối cùng trong đội tàu bị bắt giữ tại Singapore vào tháng 7 qua.

Name	Blt year	Blt place	Dwt	Buyers	Price m.usd	Comment
			BULKERS			
Cape Daisy	2006	Japan	203,153	Undisclosed	13.00	
Tete Oldendorff	2011	Korea	180,585	Greek	19.00	
Key Calla	2010	Japan	83,353	Greek	12.75	DD/SS 10/2020
Andante	2012	Korea	81,615	Undisclosed	15.75	DD passed 01/2020
Adventure III	2019	Japan	62,534	Meghna	24.25	Dely 11-12/2020
Western Honolulu	2014	Japan	57,924	Greek	14.00	
Pure Trader	2011	China	56,855	Undisclosed	8.40	
Cas Avanca	2009	Hyundai Vinashin, Vietnam	55,561	Indonesian	7.50	BWTS fitted, DD 11/2022, SS passed 11/2019

V Sanderling	2003	Japan	50,307	Chinese	5.00	DD/SS 11/2020
Zeynep	2001	Japan	33,476	Chinese	4.25	DD due 09/2020, SS 02/2022
Transcenden Time	2010	China	32,688	Undisclosed	6.00	BWTS fitted, DD/SS freshly passed 08/2020, Chinese owner
Deribas	1996	Japan	28,665	Lebanese	2.60	DD/SS due 10/2020
Stargate	2011	Japan	28,221	Undisclosed	6.75	DD/SS 01/2021
TANKERS						
Bag Meur	2000	Korea	306,324	Equatorial Marine	23.50	Basis prompt dely Korea
Ayse C	2020	Korea	158,060	CSSC Shipping	63.50	Finance deal, incl 10 years charter back
Zeynep	2020	Korea	158,060		63.50	
Super Lady	2000	Japan	105,528	Middle Eastern	11.00	
Hafnia America	2006	Japan	74,996	Undisclosed	12.00	Chemical IMO II/III, epoxy coated
GT Independence	1998	Japan	30,957	Undisclosed	Undisclosed	Chemical IMO III, zinc coated, DD 05/2021, SS 05/2023
Sea Longitude	2003	Japan	16,526	Undisclosed	7.30	Auction sale, arrested in Singapore July 2020 due to shipowner's debts, chemical IMO II, stainless steel, DD 10/2021, SS 10/2023
CONTAINERS						
OTHERS						

Bảng minh họa giá trị tàu đã qua sử dụng cập nhật theo số liệu gần nhất và so sánh với 5 năm qua (số liệu dựa trên chuẩn là tàu đóng tại Nhật)

Giá trị tàu hàng khô (đv: đô la Mỹ)		Ngày 28/08	Ngày 24/07	±%	Trong 5 năm qua Thấp nhất	TB	Cao nhất
CAPESIZE							
180k dwt	Resale	50.00	50.00	0.0	34.5	46.1	54.0
180k dwt	5 tuổi	27.50	27.50	0.0	23.0	30.6	39.0
170k dwt	10 tuổi	20.50	20.50	0.0	12.0	20.6	27.5
150k dwt	15 tuổi	12.50	12.50	0.0	6.5	12.5	16.5
PANAMAX							
82k dwt	Resale	30.00	30.00	0.0	22.5	28.7	32.0
82k dwt	5 tuổi	23.00	23.00	0.0	11.5	19.9	25.0
76k dwt	10 tuổi	13.50	13.50	0.0	7.3	12.5	16.5
74k dwt	15 tuổi	8.50	8.50	0.0	3.5	8.0	11.5
SUPRAMAX							
62k dwt	Resale	27.50	28.00	-1.8	19.0	26.2	30.0
58k dwt	5 tuổi	16.00	16.00	0.0	11.0	16.1	20.5
56k dwt	10 tuổi	11.00	11.50	0.0	6.0	11.6	14.5
52k dwt	15 tuổi	7.00	7.00	0.0	3.5	7.4	10.5
HANDYSIZE							
37k dwt	Resale	21.50	21.50	0.0	17.0	21.6	24.5
37k dwt	5 tuổi	15.00	15.50	-3.2	7.8	13.9	17.5
32k dwt	10 tuổi	8.50	8.50	0.0	6.0	9.1	12.5
28k dwt	15 tuổi	5.50	5.50	0.0	3.5	5.5	8.0

Giá trị tàu dầu (đv: triệu đô la Mỹ)		Ngày 28/08	Ngày 24/07	±%	Trong 5 năm qua Thấp nhất	TB	Cao nhất
VLCC							
310k dwt	Resale	93.00	94.00	-1.1	82.0	93.3	106.0
310k dwt	5 tuổi	69.00	69.00	0.0	60.0	70.4	84.0
250k dwt	10 tuổi	47.00	48.00	-2.1	38.0	47.2	59.0
250k dwt	15 tuổi	33.50	35.00	-4.3	21.5	30.3	41.0
SUEZMAX							
160k dwt	Resale	63.00	64.00	0.0	54.0	63.7	73.0
150k dwt	5 tuổi	48.00	49.00	0.0	40.0	49.4	62.0
150k dwt	10 tuổi	34.00	34.00	-1.9	25.0	33.9	44.5
150k dwt	15 tuổi	19.50	20.00	-2.5	16.0	20.1	24.0
AFRAMAX							
110k dwt	Resale	50.00	50.00	0.0	43.5	50.4	57.0
110k dwt	5 tuổi	37.00	37.00	0.0	29.5	36.9	47.5
105k dwt	10 tuổi	26.00	26.00	0.0	18.0	24.6	33.0
105k dwt	15 tuổi	17.50	17.50	0.0	11.0	14.6	21.0
MR							
52k dwt	Resale	37.00	37.00	0.0	33.0	36.6	40.0
52k dwt	5 tuổi	27.00	27.00	0.0	23.0	26.9	31.0
45k dwt	10 tuổi	18.00	18.00	0.0	14.5	17.9	21.0
45k dwt	15 tuổi	12.00	12.00	0.0	9.0	10.9	13.5

2. THỊ TRƯỜNG TÀU ĐÓNG MỚI:

Một số đơn hàng đóng mới trong tuần:

Type	Size	Price (m.usd)	No	Yard	Owners	Delivery	Comments
Tanker	50,000 dwt	Undisclosed	1+1	Hyundai Vinashin, Vietnam	Undisclosed	2021/2022	
Tanker	115,000 dwt	60.00	2	GSI, China	Vista Shipping	2022	Price each, dual feul consumption
LPG	98,000 cbm	110.00	4	Hyundai HI (2), Samsung (2)	Zhejiang Satellite Navigation	2022	Price each

Bảng minh họa giá tàu đóng mới cập nhật theo số liệu gần nhất và so sánh với 5 năm qua (số liệu dựa trên chuẩn là tàu đóng tại Nhật):

Giá tàu hàng khô đóng mới (đv: triệu đô la Mỹ)	Ngày 28/08	Ngày 24/07	±%	Trong 5 năm qua Thấp nhất	TB	Cao nhất
TÀU HÀNG KHÔ						
Capesize (180.000 dwt)	47.5	48.0	-1.0	41.8	47.7	54.0
K.sarmax (82.000 dwt)	27.0	28.0	-3.6	24.3	28.7	34.0
P.max (77.000 dwt)	26.0	29.0	-3.7	23.8	27.9	33.0
Ultramax (64.000 dwt)	25.0	26.0	-3.8	22.3	26.8	32.0
Handysize (37.000 dwt)	23.0	23.0	0.0	19.5	22.8	26.0
TÀU CONTAINER						
Post P.max (9.000 teu)	82.5	82.5	0.0	82.5	83.9	88.5
P.max (5.200 teu)	48.5	48.5	0.0	48.5	50.8	58.5
Sub P.max (2.5000 teu)	27.0	27.0	0.0	27.0	27.9	33.0
Feeder (1.700 teu)	21.5	21.5	0.0	21.5	22.9	27.0

Giá tàu dầu đóng mới (đv: triệu đô la Mỹ)	Ngày 28/08	Ngày 24/07	±%	Trong 5 năm qua Thấp nhất	TB	Cao nhất
TÀU DẦU						
VLCC (300.000 dwt)	88.0	89.0	-1.1	80.0	89.6	97.0
S.max (170.000 dwt)	57.5	59.0	-2.5	53.0	59.5	65.0
A.max (115.000 dwt)	48.5	48.5	0.0	43.0	48.9	54.0
LR1 (75.000 dwt)	46.0	46.0	0.0	42.0	45.5	48.5
MR (56.000 dwt)	34.5	34.5	0.0	32.5	35.1	36.8
TÀU GAS						
LNG (175k cbm)	185.5	185.5	0.0	184.0	190.4	200.0
LPG LGC (80k cbm)	70.0	70.0	0.0	70.0	72.1	79.0
LPG MGC (55k cbm)	62.0	62.0	0.0	62.0	63.7	68.5
LPG SGC (25k cbm)	40.0	40.0	0.0	40.0	41.5	45.5

3. THỊ TRƯỜNG THUÊ TÀU

3.1. Thị trường thuê tàu hàng khô:

Phân khúc **Ultramax** và **Supramax** tuần qua giảm nhẹ, chỉ số đóng cửa ở mức 10.537 đô la Mỹ. Ở Đại Tây Dương, Meadway chốt tàu Anatoli (63.467 dwt, đóng 2018) giao tại Danietta để đi ngay Biển Đen và trả tại khu vực Đông Nam Á với giá 25.000 đô la Mỹ. Aquavita chốt tàu SBI Libra (63.679 dwt, đóng 2017) giao tại cảng Talbot đi ngay biển Baltic và trả ở Thổ Nhĩ Kỳ với giá 15.500 đô la Mỹ. Ở Ấn Độ Dương, tàu Searider (62.653 dwt, đóng 2015) được chốt nhận tại Vịnh Richards và trả quanh khu vực Vịnh Ba Tư-bờ đông Ấn Độ với giá 13.200 đô la Mỹ cộng thêm 320.000 đô la Mỹ phí ballast. Mainline chốt tàu Silvia Ambition (56.880 dwt, đóng 2011) được chốt giao tại Kandla đi Vịnh Ba Tư và trả quanh khu vực Bangladesh-bờ tây Ấn Độ với giá 13.800 đô la Mỹ. Ở Thái Bình Dương, ghi nhận tàu SFL Hudson (56.636 dwt, đóng 2009) được chốt nhận ở Map Ta Phut, Thái Lan đi ngay Indonesia và quay về trả tại Thái Lan với giá 9.000 đô la Mỹ. Chun An chốt tàu Papayiannis (51.029 dwt, đóng 2001) giao tại Kaosiung đi ngay Indonesia và trả tại Đài Loan với gái 8.500 đô la Mỹ.

Đáng mừng là phân khúc **Handy** vẫn tương đối ổn định và đóng cửa ở mức 10.258 đô la Mỹ. Ultrabulk chốt tàu Nordic Malmoe (35.843 dwt, 2012), giao tại Aliaga đi vùng Caribbean với giá 14.400 đô la Mỹ. Meadway chốt tàu Outrider (33.190 dwt, đóng 2016) giao tại Brazil đi Montoir chở ngũ cốc gới giá 12.500 đô la Mỹ. Ở Ấn Độ Dương, tàu Team Bravo (33.642 dwt, đóng 2012) được chốt giao tại Chittagong để chở thép đi từ bờ tây Ấn Độ đến Nam Phi với giá 7.750 đô la Mỹ.

Bảng tham khảo cước một số khu vực trên thế giới trong Tuần 35/2020 vừa qua:

RATES/PANAMAX(USD/DAY, USD/TON)	TUẦN 35	TUẦN 34	Mức thấp nhất năm 2020 (cập nhật tới Tuần 35)	Mức cao nhất năm 2020 (cập nhật tới Tuần 35)
TRANSATLANTIC RV	14,390	17,415	767	20,450
TCT CONT/F.EAST	24,077	25,291	11,027	27,136
TCT F.EAST/CONT	4,439	4,301	388	4,674
TCT F.EAST RV	13,987	13,615	3,320	14,552
RATES/SUPRAMAX (USD/DAY)				
ATLANTIC RV	13,007	13,144	3,786	13,306
PACIFIC RV	9,629	9,607	3,771	9,629
TCT CONT/F.EAST	24,018	25,404	9,700	25,404

GIÁ THUÊ TÀU HÀNG KHÔ NGÀY 28/08/2020

	US$/ngày	▼/▲	
SUPRAMAX	10,537	▼	49
SMALL HANDY	8,292	▲	425

(sự tăng / giảm so sánh với giá trị tuần kế trước)

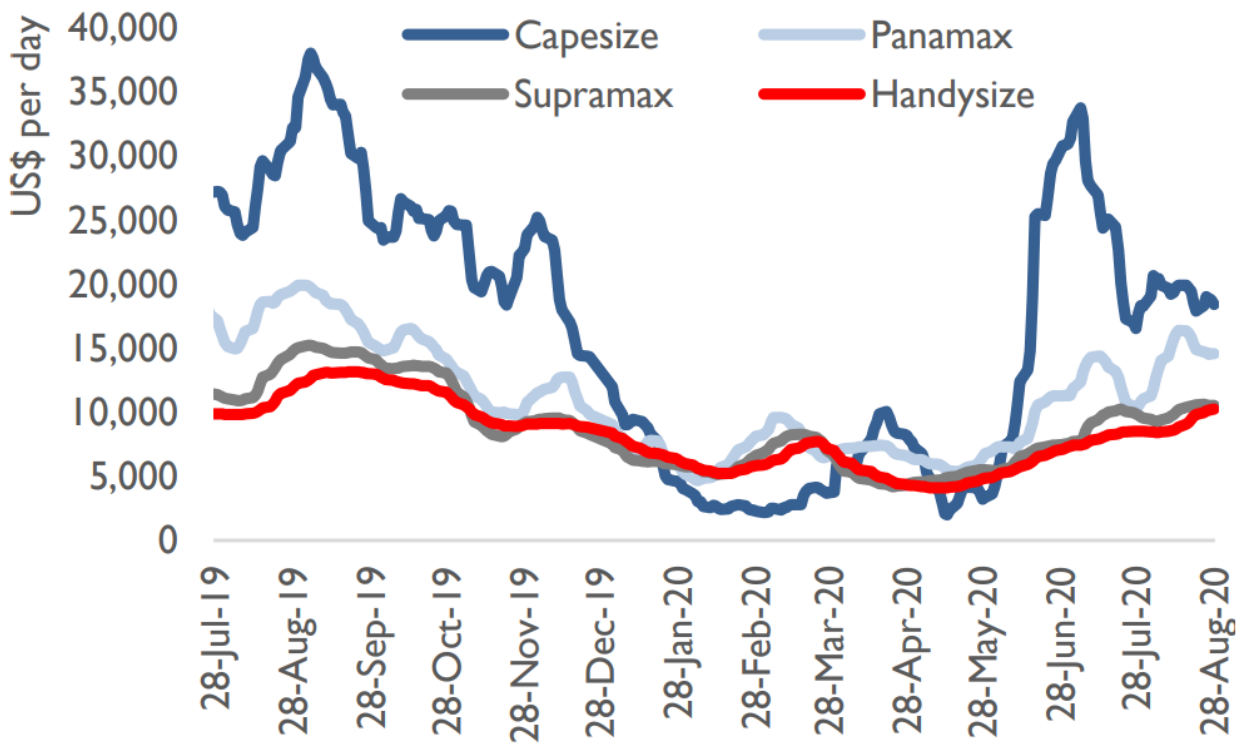

CHỈ SỐ TÀU THỊ TRƯỜNG HÀNG KHÔ

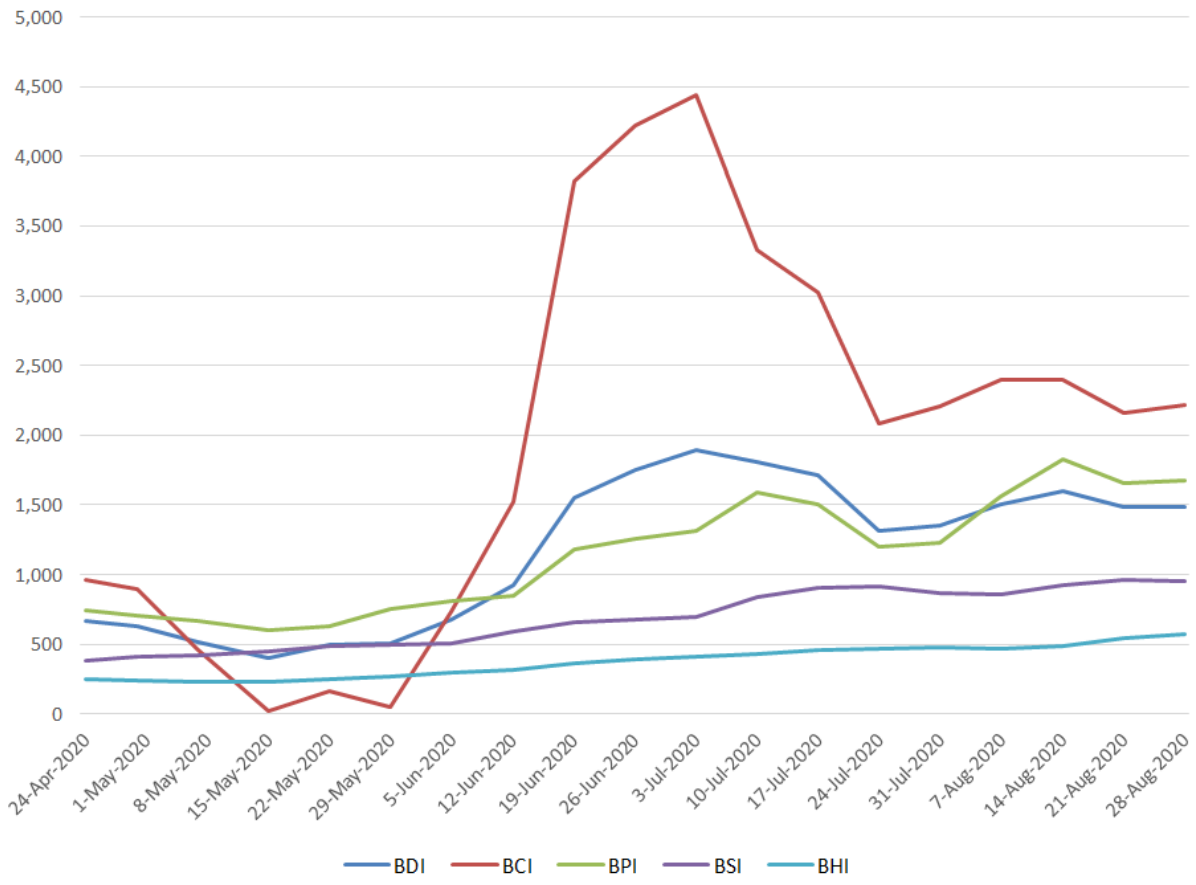

3.2. Thị trường thuê tàu dầu

Ở mảng thuê định hạn, Vitol chốt tàu VLCC Athenian Victory (317.441 dwt, đóng 2009) khai thác ngắn hạn 1-3 tháng với giá 35.000 đô la Mỹ. Mjolner chốt tàu Libra Sun (115.123 dwt, đóng 2010) khai thác trong vòng 1 năm với giá 22.500 đô la Mỹ. ST Shipping chốt tàu Regina (74.994 dwt, đóng 2006) khai thác trong vòng 1 năm với giá 14.000 đô la Mỹ. Đối với phân khúc MR, Weco Tanker chốt tàu Nord Valiant (49.737 dwt, đóng năm 2016) khai thác trong vòng 1 năm với giá 15.500 đô la Mỹ.

Bảng minh họa giá giá thuê tàu định hạn cập nhật theo số liệu gần nhất:

	Giá thuê tàu định hạn tuần 35			Giá thuê tàu định hạn tuần 34		
	1 NĂM	3 NĂM	5 NĂM	1 NĂM	3 NĂM	5 NĂM
VLCC	36,000	35,000	37,000	35,000	35,000	37,000
SUEZMAX	24,000	25,500	28,000	25,000	25,000	28,000
AFRAMAX	19,500	22,000	20,500	19,000	22,000	20,500
LR-2	20,000	22,500	21,000	20,000	22,500	21,000
LR-1	14,750	16,500	17,000	15,000	16,500	17,000
MR	14,250	15,500	16,500	13,500	15,500	16,500
HANDY	12,500	14,000	15,000	12,500	14,000	15,000

CHỈ SỐ THỊ TRƯỜNG TÀU DẦU

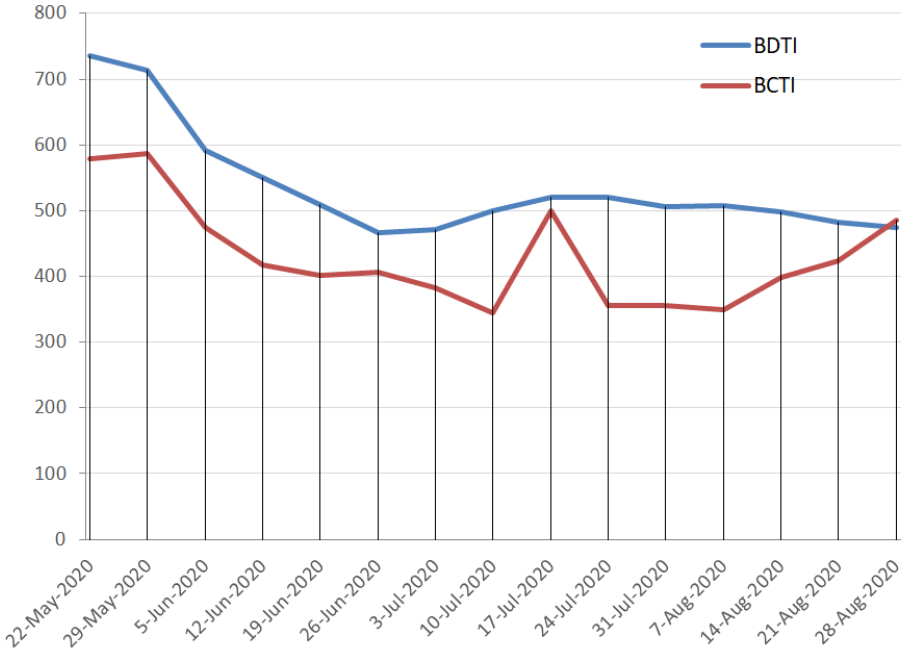

4. THỊ TRƯỜNG TÀU PHÁ DỠ

GIÁ PHÁ DỠ THAM KHẢO
(dành cho tàu có lt > 5.000)

Xếp loại	Giao tại	Tàu hàng rời		Tàu dầu	
		US$	▼/▲	US$	▼/▲
1	Bangladesh	330	▲ 10	350	▲ 10
2	Pakistan	340		360	
3	India	320	▼ 10	340	▼ 10
4	Turkey	195		205	

(đơn vị tính: usd/lt ldt, 1 lt = 1.017 mt ldt)

MỘT SỐ TÀU PHÁ DỠ GHI NHẬN TRONG TUẦN 35/2020

Tên Tàu	Loại tàu	Năm Đóng	LDT	Nước phá dỡ	Giá (US$/lt)	Dwt	Comments
Sriracha Eagle	Tanker	1996	15,383	Undisclosed	306.00	96,168	FSO, As is Singapore
Neusa	Tanker	1982	5,914	Undisclosed	204.39	17,909	Via bidding online, as is Brazil
Sea Hero	Bulker	1990	4,860	Undisclosed	350.00	22,256	

CÔNG TY MÔI GIỚI TÀU BIỂN TIÊN PHONG – PIONEER SHIPBROKERS
MUA – BÁN TÀU
Email:snp@pioneershipbrokers.com.vn

Các thông tin trên được chúng tôi tập hợp từ các nguồn thông tin khác nhau và chỉ mang tính tham khảo. Chúng tôi không chịu trách nhiệm về bất cứ khiếu nại nào liên quan đến tính chính xác của các thông tin trên.